UBND TỈNH ĐỒNG NAI
LIÊN SỞ XÂY DỰNG - TÀI CHÍNH
SỐ 2844 /CBLS-SXD-STC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Đồng Nai, ngày 20 tháng 11 năm 2014

CÔNG BỐ
GIÁ VẬT LIỆU XÂY DỰNG THÁNG 10/2014

- Căn cứ Thông tư số 04/2010/TT-BXD ngày 26/05/2010 của Bộ Xây dựng v/v Hướng dẫn lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình; Văn bản số 10152/UBND-KT ngày 18/12/2012 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc công bố giá vật liệu xây dựng hàng tháng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.
- Liên Sở Xây dựng - Sở Tài Chính công bố giá vật liệu xây dựng để các đơn vị, tổ chức tham khảo trong quá trình xác định giá xây dựng công trình như sau:

ĐVT: đồng

STT	TÊN VẬT LIỆU	TIÊU CHUẨN ÁP DỤNG	ĐVT	GIÁ BÁN TẠI CÁC CỬA HÀNG KHU VỰC TRUNG TÂM											
				Biên Hòa	Trảng Bom	Thống Nhất	Long Khánh	Xuân Lộc	Cẩm Mỹ	Định Quán	Tân Phú	Long Thành	Nhơn Trạch	Vĩnh Cửu	Ghi chú
I	**XIMĂNG**														
	Xi măng Hà Tiên 1 PCB 40	TCVN 6260:2009	Bao 50kg		88.000	81.000	88.000					80.000			
	Xi măng Holcim PCP40	TCVN 6260:2009	Bao 50kg			79.000	86.000								
	Xi măng Fico	TCVN 6260:2009	Bao 50kg									72.000			
	Xi măng Holcim đa dụng		Bao 50kg									79.000			
	Xi măng Công Thanh		Bao 50kg					77.000							
1	**Xí Nghiệp Tiêu Thụ & Dịch Vụ Vicem Hà Tiên**		**Địa chỉ: Phòng Thị Trường - Xí nghiệp tiêu thụ & dịch vụ Vicem Hà Tiên, lầu 3, số 9-19 Hồ Trung Mậu, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp HCM; Điện thoại: 08 39 15 16 17 (ext-220).**												
	PCB 40 Vicem Hà Tiên bao (Bao 50kg)	TCVN 6260:2009	tấn	1.655.000											Xuất từ Thủ Đức
	Xi măng đa dụng Vicem Hà Tiên (Bao 50kg)	TCVN 6260:2009	tấn	1.625.000											
	Xi măng xây tô Vicem Hà Tiên (Bao 50kg)	TCCS 20:2011/XMHT (astm)	tấn	1.320.000											
	Xi măng Vicem Hà Tiên chịu mặn/phèn (Bao 50kg)	ASTM C1157; TCVN 7711:2007	tấn	1.750.000											
	PCB40 Vicem Hà Tiên rời	TCVN 6260:2009	tấn	1.300.000											
	PCB40 công nghiệp Vicem Hà Tiên rời	TCVN 6260:2009	tấn	1.450.000											

STT	TÊN VẬT LIỆU	TIÊU CHUẨN ÁP DỤNG	ĐVT	GIÁ BÁN TẠI CÁC CỬA HÀNG KHU VỰC TRUNG TÂM											
				Biên Hòa	Trảng Bom	Thống Nhất	Long Khánh	Xuân Lộc	Cẩm Mỹ	Định Quán	Tân Phú	Long Thành	Nhơn Trạch	Vĩnh Cửu	Ghi chú
	$PCB_{MSR}40$ bền sulfat Vicem Hà Tiên bao 50kg	TCVN 6260:2009	tấn	1.670.000											Ở tất cả các Nhà máy.
	$PCB_{MSR}40$ bền sulfat Vicem Hà Tiên bao Jumbo (1T - 1.5T)	TCVN 6260:2009	tấn	1.530.000											
	PC40 Vicem Hà Tiên bao 50kg	TCVN 6260:2009	tấn	1.620.000											
	PC40 Vicem Hà Tiên rời	TCVN 6260:2009	tấn	1.500.000											
	PC40 Vicem Hà Tiên bao Jumbo (1T-1.5T)	TCVN 6260:2009	tấn	1.650.000											
	$PC_{SR}40$ bền sulfat Vicem Hà Tiên rời	TCVN 6260:2009	tấn	1.500.000											
	$PC_{SR}40$ bền sulfat Vicem Hà Tiên bao Jumbo	TCVN 6260:2009	tấn	1.650.000											
2	**Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Phát Triển Cường Thuận IDICO**		**Địa chỉ: 168 Khu phố 11, P. An Bình, Tp Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai; Điện thoại: 0616 291 081.**												
	Bê tông mác 100	ISO 9001:2008	m^3	1.020.000											Đã có VAT
	Bê tông mác 150	ISO 9001:2008	m^3	1.120.000											
	Bê tông mác 200	ISO 9001:2008	m^3	1.160.000											
	Bê tông mác 250	ISO 9001:2008	m^3	1.230.000											
	Bê tông mác 300	ISO 9001:2008	m	1.300.000											
	Bêtông nhựa nóng hạt mịn	ISO 9001:2008	Tấn	1.550.000											Tại nhà máy, đã có VAT
	Bêtông nhựa nóng hạt trung	ISO 9001:2008	Tấn	1.540.000											
	Bêtông nhựa nóng hạt thô	ISO 9001:2008	Tấn	1.530.000											
	Nhủ tương	ISO 9001:2008	kg	20.000											
3	**Công ty CP xi măng Công Thanh**		**Địa chỉ: Số 52 Đinh Bộ Lĩnh, P26, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh**												
	Xi măng Công Thanh PCB 40		Bao 50kg	77.500	77.500	77.500	77.500	77.500	77.500	77.500	77.500	77.500	77.500	77.500	
4	**Công ty CP Carbon Việt Nam**														
	Carrboncor Asphalt (CA 9,5)		tấn	3.620.000											Chưa VAT
II	**SẮT THÉP**														
	Φ 6, Φ 8(thép Miền Nam)	TCVN 1651-1:2008	kg		16.000		15.000	13.500							
	Φ 6 (Việt - Nhật)	JISG3112-SD295A	kg				16.000	15.300			16.000				
	Φ 8 (Việt - Nhật)	JISG3112-SD295A	kg				16.000	15.300			16.000				

STT	TÊN VẬT LIỆU	TIÊU CHUẨN ÁP DỤNG	ĐVT	GIÁ BÁN TẠI CÁC CỬA HÀNG KHU VỰC TRUNG TÂM											
				Biên Hòa	Trảng Bom	Thống Nhất	Long Khánh	Xuân Lộc	Cẩm Mỹ	Định Quán	Tân Phú	Long Thành	Nhơn Trạch	Vĩnh Cửu	Ghi chú
	Φ10 - Φ32				16.000	14.500	16.300	15.000			16.500				
	Thép cuộn Φ 6					15.000						13.700			
	Thép cuộn Φ 8					15.000						13.800			
2	**Công Ty TNHH thép SeAH Việt Nam**		**Địa chỉ: Số 7 đường 3A KCN Biên Hòa II - Đồng Nai; Điện thoại 0613 833 733.**												
	Ống thép đen (Tròn, vuông, hộp) độ dày 1.0mm đến 1.4mm. Đường kính từ F15 đến F114		Kg	16.907											
	Ống thép đen (Tròn, vuông, hộp) độ dày 1.5mm đến 1.6mm. Đường kính từ F15 đến F114		Kg	16.907											
	Ống thép đen (Tròn, vuông, hộp) độ dày 1.7mm đến 1.9mm. Đường kính từ F15 đến F114		Kg	16.674											
	Ống thép đen (Tròn, vuông, hộp) độ dày 2.0mm đến 5.0mm. Đường kính từ F15 đến F114		Kg	16.324											
	Ống thép đen (ống tròn) độ dày 5.1mm đến 6.35mm. Đường kính từ F15 đến F114		Kg	16.324											
	Ống thép đen độ dày 3.4mm đến 6.35mm. Đường kính từ F 141 đến F219		Kg	16.907											
	Ống thép đen độ dày 6.36mm đến 12.0mm. Đường kính từ F 141 đến F 219		Kg	17.257											
	Ống thép mạ kẽm nhúng nóng độ dày 1.5mm đến 1.6mm. Đường kính từ F15 đến F114		Kg	24.428											
	Ống thép mạ kẽm nhúng nóng độ dày 1.7mm đến 1.9mm. Đường kính từ F15 đến F114		Kg	23.845											
III	**ĐÁ, CÁT, ĐẤT**														
1	Đá các loại														
	- Đá cấp phối		m^3	210.000		220.000									
	- Đá 0x4		m^3		145.000	155.000	180.000				260.000				

STT	TÊN VẬT LIỆU	TIÊU CHUẨN ÁP DỤNG	ĐVT	GIÁ BÁN TẠI CÁC CỬA HÀNG KHU VỰC TRUNG TÂM											
				Biên Hòa	Trảng Bom	Thống Nhất	Long Khánh	Xuân Lộc	Cẩm Mỹ	Định Quán	Tân Phú	Long Thành	Nhơn Trạch	Vĩnh Cửu	Ghi chú
	- Đá 1x2	TCVN 1771-86	m^3		225.000	250.000	290.000				300.000	176.000			
	- Đá 4x6		m^3		165.000	195.000	250.000				270.000	150.000			
	- Đá mi sàng		m^3		205.000	155.000	260.000				250.000	142.000			
	- Đá mi bụi		m^3		130.000	220.000	160.000				220.000	140.000			
	-Đá chẽ		m3				2.600	5.200			4.500				
	- Đá hộc		m^3			185.000	200.000					143.000			
2	- Cát xây dựng sàng		m^3		260.000		280.000				240.000				
	- Cát xây dựng		m^3			220.000									
	- Cát san lấp					220.000									
3	- Đất phún sỏi		m3			66.000					60.000				
4	**Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Khoáng Sản Than Đông Bắc**		**Địa chỉ: Mỏ đá Núi Nứa, ấp Phú Mỹ, xã Xuân Lập - TX Long Khánh - Đồng Nai; Điện thoại 0612 634 667.**												
	Đá 1 x 2		m^3				210.000								Chưa có VAT
	Đá 4 x 6		m^3				170.000								
	Đá 0 x 4		m^3				160.000								
	Đá mi sàng		m^3				175.000								
	Đá mi bụi		m^3				165.000								
	Đá 0 x 5 (máy li tâm)		m^3				200.000								
	Đá 0 x 5 rửa (cát nhân tạo)		m^3				280.000								
	Đá 5 x 10 (máy li tâm)		m^3				290.000								
	Đá 10 x 15 (máy li tâm)		m^3				280.000								
	Đá 15 x 20 (máy li tâm)		m^3				275.000								
	Đá 10 x 20 (máy li tâm)		m^3				270.000								
	Cấp phối đá dăm D_{max} 37,5 mm		m^3				165.000								
	Cấp phối đá dăm D_{max} 37,5 mm tiêu chuẩn		m^3				215.000								
	Cấp phối đá dăm D_{max} 25 mm		m^3				175.000								
	Cấp phối đá dăm D_{max} 25 mm tiêu chuẩn		m^3				225.000								
	Cấp phối đá dăm D_{max} 19 mm tiêu chuẩn		m^3				230.000								
	Đá hộc hỗn hợp		m^3				130.000								

STT	TÊN VẬT LIỆU	TIÊU CHUẨN ÁP DỤNG	ĐVT	GIÁ BÁN TẠI CÁC CỬA HÀNG KHU VỰC TRUNG TÂM											
				Biên Hòa	Trảng Bom	Thống Nhất	Long Khánh	Xuân Lộc	Cẩm Mỹ	Định Quán	Tân Phú	Long Thành	Nhơn Trạch	Vĩnh Cửu	Ghi chú
	Đất phun sỏi		m^3		120.000										
	Đất sỏi đỏ		m^3				40.000								
	Đất đắp nền, san lấp		m^3				30.000								
5	**Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Phát Triển Cường Thuận IDICO**		**Khu phố 11, P. An Bình, Tp Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai; Điện thoại: 0616 291 081.**												
	Đá 0x4		m^3	132.000											Tại nhà máy
	Đá 1x2		m^3	223.000											
	Đá 4x6		m^3	160.000											
	Đá mi sàng		m^3	155.150											
	Đá mi bụi		m^3	120.000											
	Cấp phối đá dăm Dmax x 37,5mm		m^3	170.000											
	Cấp phối đá dăm Dmax x 25mm		m^3	215.000											
6	**Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Xây Dựng & Vật Liệu Đồng Nai (DNC)**		**Địa chỉ: 138 Đường Nguyễn Ái Quốc- Phường Trảng Dài - TP Biên Hòa - tỉnh Đồng Nai**												
	Xí nghiệp đá Tân Cang 5														
	Đá 1x2		tấn	110.000											
	Đá 4x6		tấn	77.000											
	Đá 5x7		tấn	74.800											
	Đá 0x4		tấn	66.000											
	Đá mi sàng		tấn	77.000											
	Đá mi bụi		tấn	46.200											
7	**Công ty CP XD Công Trình Giao Thông 610 (Xí Nghiệp Phước Tân)**		**Địa chỉ: 968 Quốc lộ 1A, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.; Điện Thoại: 8960545.**												
	Đá Dmax = 25mm	TCVN 8959-2011	m^3	178.500											Tại mỏ đá ấp Miễu, xã Phước Tân,Tp BH chưa có VAT
	Đá Dmax = 37,5mm	TCVN 8959-2011	m^3	161.500											
	Đá 10 x 20	TCVN 7570-2006	m^3	180.000											

STT	TÊN VẬT LIỆU	TIÊU CHUẨN ÁP DỤNG	ĐVT	GIÁ BÁN TẠI CÁC CỬA HÀNG KHU VỰC TRUNG TÂM											
				Biên Hòa	Trảng Bom	Thống Nhất	Long Khánh	Xuân Lộc	Cẩm Mỹ	Định Quán	Tân Phú	Long Thành	Nhơn Trạch	Vĩnh Cửu	Ghi chú
8	**Công ty CP Sản Xuất Và Kinh Doanh Vật Liệu Xây Dựng BMT**		**Địa chỉ: Ấp Tân Cang, Xã Phước Tân, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai**												
	Cấp phối đá dăm loại I (Dmax =25mm)	TCVN 8859:2011	m^3	172.000											Cung cấp tại ấp Tân Cang, xã Phước Tân, ĐN; chưa có VAT
	Cấp phối đá dăm loại II (Dmax = 37,5 mm)	TCVN 8859:2011	m^3	165.000											
9	**Công Ty CP Đầu Tư Xây Dựng 3-2**		**Địa chỉ: 45A Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, Thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương**												
	Đá 1x2 lưới 20		Tấn	109.300											Giá bán tại mỏ Tân Đông Hiệp Dĩ An (đã bao gồm VAT)
	Đá 1x2 lưới 22		Tấn	173.800											
	Đá 1x2 lưới 25		Tấn	166.100											
	Đá 2x4		Tấn	159.500											
	Đá 4x6 loại 1		Tấn	130.900											
	Đá 0x4 loại 1		Tấn	108.900											
	Đá mi sàng		Tấn	114.400											
	Đá mi bụi		Tấn	86.900											
	Đá xà bần		Tấn	58.300											
IV	**GẠCH XÂY, ỐP TƯỜNG**														
1	Gạch ống 8x8x18		viên		520	600	600	580			680				
	Gạch thẻ		viên									370			
	Gạch đinh 4x8x18		viên			600									
	Gạch Block		viên				3.500					370			
	Gạch bê tông rỗng		viên									6.500			
	Gạch Ceeramic 40x40		viên									126.000			

STT	TÊN VẬT LIỆU	TIÊU CHUẨN ÁP DỤNG	ĐVT	GIÁ BÁN TẠI CÁC CỬA HÀNG KHU VỰC TRUNG TÂM										
				Biên Hòa	Trảng Bom	Thống Nhất	Long Khánh	Xuân Lộc	Cẩm Mỹ	Định Quán	Tân Phú	Long Thành	Nhơn Trạch	Vĩnh Cửu	Ghi chú
	Gạch ốp tường		viên									102.000			
	Ngói nóc		viên												
	Gạch men 50x50 loại 1		m^2												
	Gạch men 30x30 lót nền		m^2												
2	**Công ty Gạch Ngói Đồng Nai**		**Địa chỉ: 119 Điện Biên Phủ - Quận 1 - Tp. HCM; Điện thoại (84.8) 38228124 - 38295881.**												
	Gạch, ngói Loại A1														
	Gạch 4 lỗ 8x8x18	TC05-2007	viên	1.400											Giá tại nhà máy, chưa bao gồm phí vận chuyển
	Gạch 4 lỗ 9x9x19	TC06-2007	viên	1.650											
	Gạch Hourdis	TC11-2007	viên	19.900											
	Gạch chữ U 20x20x74	TC02.01-2012	viên	6.200											
	Gạch tàu 30 có chân 30x30x2,5	TC02.02-2008	viên	8.750											
	Gạch tàu bậc thềm 30x34	TC02.02-2008	viên	30.000											
	Ngói 22R	TC04.04-2011	viên	12.000											
	Ngói 22 R 1/2	TC04.04-2011	viên	7.000											
	Ngói nóc	TC20.01-2007	viên	23.000											
	ngói chạc 3	TC20.02-2007	viên	61.000											
	Ngói nóc 2 đầu	TC20.01-2007	viên	34.000											
	Ngói âm dương	TC13-2007	viên	6.800											
	Hạ uy di, đồng tiền, hoa mai, cánh quạt	TC01 2008	viên	7.000											
	Thông gió(bánh ú)	TC01 2008	viên	9.000											
	Cần dày 5x20 cần mỏng	TC01 2008	viên	1.400											
3	**Công Ty Cổ Phần Vương Hải**		**Địa chỉ: C1B Đồng Khởi, khu phố 4, P. Tân Hiệp, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai; Điện Thoại: (+84) 61.3895.060 - 61 3865 819.**												
	Gạch bloc bêtông khí chưng áp (AAC block) - Cường độ nén ≥ 3,5 Mpa - Cấp độ B3		m^3	1.320.000											

STT	TÊN VẬT LIỆU	TIÊU CHUẨN ÁP DỤNG	ĐVT	GIÁ BÁN TẠI CÁC CỬA HÀNG KHU VỰC TRUNG TÂM											
				Biên Hòa	Trảng Bom	Thống Nhất	Long Khánh	Xuân Lộc	Cẩm Mỹ	Định Quán	Tân Phú	Long Thành	Nhơn Trạch	Vĩnh Cửu	Ghi chú
	Gạch bloc bêtông khí chưng áp (AAC block) - Cường độ nén ≥ 5 Mpa - Cấp độ B4		m^3	1.400.000											
	Gạch bloc bêtông khí chưng áp (AAC block) - Cường độ nén ≥ 7,5 Mpa - Cấp độ B6		m^3	1.600.000											
	Tấm tường LCpanel không gia cường thép 1200x600x50 mm - Cường độ nén ≥ 3,5 Mpa		Tấm	66.000											
	Tấm tường aLCpanel có gia cường thép, Cường độ nén 3,5 Mpa - 1 lưới thép gia cường.		m^3	2.800.000											Đã có VAT
	Vữa xây 50kg/bao		Bao	180.000											
	Vữa trát 50kg/bao		Bao	175.000											
	Bột hoàn thiện gạch bê tông nhẹ 25kg/bao		Bao	175.000											
	Bát neo tường		Cái	3.000											
	Bay 75		Cái	72.000											
	Bay 100		Cái	75.000											
	Bay 150		Cái	85.000											
	Bay 200		Cái	105.000											
4	**Công ty CP gạch men Thanh Thanh**		**Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1 - Đồng Nai; diện thoại: 0613 836 553 - 836549**												
	Gạch men Thanh Thanh loại:														
a	**Gạch men ốp tường 200mmx250mm(20viên/thung)**														
	- 2531	TCVN 7745:2007	thùng	100.000											
	- 200T, 2534	TCVN 7745:2007	thùng	89.000											
	- 2509, 2527, 2528, 2530, 2532, 2533, 2539, 2540, 2541, 2542	TCVN 7745:2007	thùng	85.000											
b	**Gạch men ốp tường 250 mm x 400 mm (10 viên/thùng) :**														

STT	TÊN VẬT LIỆU	TIÊU CHUẨN ÁP DỤNG	ĐVT	GIÁ BÁN TẠI CÁC CỬA HÀNG KHU VỰC TRUNG TÂM											
				Biên Hòa	Trảng Bom	Thống Nhất	Long Khánh	Xuân Lộc	Cẩm Mỹ	Định Quán	Tân Phú	Long Thành	Nhơn Trạch	Vĩnh Cửu	Ghi chú
	- 25425, 25426, 25436, 25437, 25438, 25447, 25447V, 25448, 25448V, 25449, 25449V, 25450, 25450V, 25462, 25462V. HT01, HT02, 2405-2405V, 25488-25488V, 25492-25492V, 2420-2420V, 2424-2424V	TCVN 7745:2007	thùng	87.000											
c	**Gạch men lát nền 250 mm x 250 mm (16 viên/thùng) :**														
	- 25538	TCVN 7745:2007	thùng	88.000											
	- 25505, 25506, 25507, 25515, 25534, 25535, 25536, 25537, 25539, 25542, 25543, 25555, 25556, 25557, 25558	TCVN 7745:2007	thùng	86.000											
d	**Gạch men sân vườn 300 mm x 300 mm và 400 mm x 400 mm :**														Đã có VAT
	- TT409 (418B), TT410 (418P), SV419 (SV405)	TCVN 7745:2007	m2	102.000											
	- SV415 (SV401), SV4016 (SV402), SV417 (SV403), SV418 (SV404), SV301, SV302, 3062	TCVN 7745:2007	m2	89.000											
e	**Gạch Granite Thanh Thanh loại 1:**														
	Gạch granite bóng mờ 300 mm x 300 mm (11 viên/thùng) :														
	- GD3015, GD3016, GD3105, GD3106	TCVN 7745:2007	thùng	123.000											
	- GD3405, GD3406	TCVN 7745:2007	thùng	120.000											
	- GD3004, GD3401	TCVN 7745:2007	thùng	109.000											
b	Gạch granite bóng mờ 400 mm x 400 mm (6 viên/thùng):														
	- SB4005, SB4020, SB4031	TCVN 7745:2007	thùng	123.000											
	- SB4003, SB4045, SB4046, SB4047	TCVN 7745:2007	thùng	120.000											

STT	TÊN VẬT LIỆU	TIÊU CHUẨN ÁP DỤNG	ĐVT	GIÁ BÁN TẠI CÁC CỬA HÀNG KHU VỰC TRUNG TÂM											
				Biên Hòa	Trảng Bom	Thống Nhất	Long Khánh	Xuân Lộc	Cẩm Mỹ	Định Quán	Tân Phú	Long Thành	Nhơn Trạch	Vĩnh Cửu	Ghi chú
	- SB4006, SB4048, GD4030, GD4038, GD4130, GD4138	TCVN 7745:2007	thùng	113.000											
	- SB4038, SB4000, SB4026	TCVN 7745:2007	thùng	109.000											
5	**Công Ty CP Đầu Tư Xây Dựng 3-2**		**Địa chỉ: 45A Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, Thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương**												
a	**Gạch Terrazzo**														
	Gạch Terrazzo (400x400x32) mm, lớp mặt dày 8mm		m^2	101.763	118.525	112.938	129.700	146.463	140.875	168.813	163.225	118.252	126.906	104.556	
	Gạch Terrazzo (400x400x32) mm, lớp mặt dày 5mm		m^2	93.763	110.525	104.938	121.700	138.463	132.875	160.813	155.225	110.525	118.906	96.556	
b	**Gạch bê tông tự chèn**														
	Gạch tự chèn hình con sâu màu vàng, đỏ 225x112,5x60mm, M200 (39,5 viên/m^2)		m^2	99.825	109.824	114.818	119.823	124.828	121.825	149.831	154.825	109.824	111.826	114.818	
	Gạch chèn hình chữ I màu vàng, đỏ 195x160x60mm. M200 (36 viên /m^2)		m^2	101.893	111.892	116.886	121.891	126.885	123.893	151.888	156.882	111.892	113.894	116.886	
V	**SƠN**														
1	Sơn chống thấm dulux		5 lít									1.138.000			
	Sơn lót chống kiềm ngoài trời		18 lít									1.989.000			
	Sơn lót Expo		18 lít									782.000			
	Sơn nước nội thất EXPO EASY INTERIOR		18 lít									390.000			
	Sơn dầu		lít				85.000								
	Sơn nước ngoại thất		18 lít							800.000					
2	**Công Ty Cổ Phần Sơn Đồng Nai**		**Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai; Điện Thoại 0613 931 355**												
a	Sơn dầu DONASA (Alkyd)														
	DXS0010		Kg	53.900											
	DMP2002		Kg	51.700											

STT	TÊN VẬT LIỆU	TIÊU CHUẨN ÁP DỤNG	ĐVT	GIÁ BÁN TẠI CÁC CỬA HÀNG KHU VỰC TRUNG TÂM										
				Biên Hòa	Trảng Bom	Thống Nhất	Long Khánh	Xuân Lộc	Cẩm Mỹ	Định Quán	Tân Phú	Long Thành	Nhơn Trạch	Vĩnh Cửu	Ghi chú
	DLF1000		Kg	74.800											
b	Sơn nước DONASA trong nhà														
	- Newinterior		thùng18l	396.000											
	- Dream		thùng18l	440.000											
	- Suppercoat		thùng18l	825.000											
c	Sơn nước DONASA ngoài nhà														
	- Flintcoat		thùng18l	1.166.000											
	- Hitech		thùng 5l	605.000											
d	Bột trét tường DONASA														
	- Powsercoat trong nhà		bao 40kg	145.000											
	- Powdecoat ngoài nhà		bao 40kg	169.400											
e	Sơn cách nhiệt Sun Master														
	- Sun Master 1 (hệ nước)		thùng18l	1.881.000											
	- Sun Master 2 (hệ DM)		thùng20l	2.310.000											
	- Sun Master 6 (sơn lót kim loại)		thùng20l	2.530.000											
	- Sun Master 7 (sơn lót betông)		thùng20l	1.870.000											
	-PWR 1000XA (sơn chống thấm		thùng20l	2.530.000											
VI	**ỐNG NƯỚC**														
	uPVC F21x1,6		m												
	uPVC F27x1,8		m												
	uPVC F34x2,0		m												
	uPVC F42x2,1		m												
	uPVC F49x2,4		m												
VII	**HỐ GA, MƯƠNG, HÀO, CỐNG**														
1	**Công ty Thoát nước & Phát triển Đô thị tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu**		**Địa chỉ: Số 06 đường 3/2, Phường 8, Tp, Vũng Tàu; Điện thoại: 0643 852 125.**												
a	Gia hệ thống hố ga thu nước mưa và ngăn mùi kiểu mới														
	Hệ thống hố ga thu nước mưa và ngăn mùi kiểu mới F2 – Vỉa hè		Bộ	11.625.000											

STT	TÊN VẬT LIỆU	TIÊU CHUẨN ÁP DỤNG	ĐVT	GIÁ BÁN TẠI CÁC CỬA HÀNG KHU VỰC TRUNG TÂM											
				Biên Hòa	Trảng Bom	Thống Nhất	Long Khánh	Xuân Lộc	Cẩm Mỹ	Định Quán	Tân Phú	Long Thành	Nhơn Trạch	Vĩnh Cửu	Ghi chú
	Hệ thống hố ga thu nước mưa và ngăn mùi kiểu mới F2 – Lòng đường		Bộ	11.686.000											
	Hệ thống hố ga thu nước mưa và ngăn mùi kiểu mới F3 – Vỉa hè		Bộ	11.674.000											
	Hệ thống hố ga thu nước mưa và ngăn mùi kiểu mới F3 – Lòng đường		Bộ	11.757.000											
b	Giá hào kỹ thuật														
	Hào kỹ thuật 2 ngăn – Vỉa hè Kt: B1xB2xHxL = 400x300x300x1000		m	1.805.000											
	Hào kỹ thuật 2 ngăn – Vỉa hè Kt: B1xB2xHxL = 400x300x500x1000		m	1.960.000											
	Hào kỹ thuật 3 ngăn-Vỉa hè Kt:B1xB2xB3xHxL= 400x250x200x300x1000		m	2.407.000											
	Hào kỹ thuật 3 ngăn – Vỉa hè Kt: B1xB2xB3xHxL = 400x250x200x500x1000		m	2.817.000											
	Hào kỹ thuật 4 ngăn – Vỉa hè Kt: B1xB2xB3xB4xHxL = 400x250x250x200x500x1000mm		m	2.954.000											
	Hào kỹ thuật 2 ngăn – Lòng đường Kt: B1xB2xHxL = 400x300x500x1000		m	3.151.000											
	Hào kỹ thuật 3 ngăn-Lòng đường Kt:B1xB2xB3xHxL= 400x250x200x300x1000		m	3.508.000											
c	Giá hố ga liền cống														
	Hố ga BTCT thành mỏng đúc sẵn liên kết mối nối cống D400		Bộ	7.207.000											
	Hố ga BTCT thành mỏng đúc sẵn liên kết mối nối cống D600		Bộ	9.264.000											
	Hố ga BTCT thành mỏng đúc sẵn liên kết mối nối cống D800		Bộ	13.618.000											

STT	TÊN VẬT LIỆU	TIÊU CHUẨN ÁP DỤNG	ĐVT	GIÁ BÁN TẠI CÁC CỬA HÀNG KHU VỰC TRUNG TÂM											
				Biên Hòa	Trảng Bom	Thống Nhất	Long Khánh	Xuân Lộc	Cẩm Mỹ	Định Quán	Tân Phú	Long Thành	Nhơn Trạch	Vĩnh Cửu	Ghi chú
	Hố ga BTCT thành mỏng đúc sẵn liên kết mối nối cống D1000		Bộ	17.542.000											
	Hố ga BTCT thành mỏng đúc sẵn liên kết mối nối cống D1200			21.555.000											
	Hố ga hào kỹ thuật (loại Hào kỹ thuật 3 ngăn H300-Vỉa hè)		Bộ	6.772.000											
d	Gía mương hộp														
	Mương BTCT đúc sẵn B500 –H10		m	1.292.000											
	Mương BTCT đúc sẵn B600 –H10		m	1.848.000											
	Mương BTCT đúc sẵn B800 –H10		m	2.285.000											
	Mương BTCT đúc sẵn B1000 –H10		m	2.933.000											Giá bán đã bao gồm thuế GTGT (10%)
	Mương BTCT đúc sẵn B1200 –H10		m	3.512.000											
	Mương BTCT đúc sẵn B500 –H30		m	2.138.000											
	Mương BTCT đúc sẵn B600 –H30		m	2.881.000											
	Mương BTCT đúc sẵn B800 –H30		m	3.384.000											
	Mương BTCT đúc sẵn B1000 –H30		m	3.773.000											
e	Gía bể phốt (hầm vệ sinh) tại các đô thị														Đã bao gồm thuế GTGT (10%), phụ kiện lắp đặt bên trong bể; Chưa bao gồm ống PVC và các phụ kiện nối từ bể đến hố ga, các khu vực vệ sinh
	Bể phốt loại 2C ; Kt (70x110x113)		Bộ	5.468.000											
	Bể phốt loại 2D ; Kt (70x110x113)		Bộ	5.849.000											
	Bể phốt loại 2F ; Kt (70x110x113)		Bộ	6.546.000											
	Bể phốt loại 3C ; Kt (70x110x113)		Bộ	8.757.000											
	Hố kiểm tra		Bộ	94											
f	Gía mương tưới tiêu nội đồng bê tông cốt sợi đúc sẵn														

STT	TÊN VẬT LIỆU	TIÊU CHUẨN ÁP DỤNG	ĐVT	GIÁ BÁN TẠI CÁC CỬA HÀNG KHU VỰC TRUNG TÂM											
				Biên Hòa	Trảng Bom	Thống Nhất	Long Khánh	Xuân Lộc	Cẩm Mỹ	Định Quán	Tân Phú	Long Thành	Nhơn Trạch	Vĩnh Cửu	Ghi chú
	Mương tưới tiêu nội đồng bê tông cốt sợi đúc sẵn (Xi măng PC40) Kt: 300x300x2000mm thành dày 3cm		m	480											
	Mương tưới tiêu nội đồng bê tông cốt sợi đúc sẵn (Xi măng PC40) Kt: 400x400x2000mm thành dày 3cm		m	559											
	Mương tưới tiêu nội đồng bê tông cốt sợi đúc sẵn (Xi măng PC40) Kt: 500x500x2000mm thành dày 3cm		m	657											
	Mương tưới tiêu nội đồng bê tông cốt sợi đúc sẵn (Xi măng PC40) Kt: 450x550x2000mm thành dày 3cm		m	667											
2	**Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Phát Triển Cường Thuận IDICO**	**Địa chỉ: Khu phố 11, P. An Bình, Tp Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai; Điện thoại: 0616 291 081.**													
a	Cống tròn các loại														
	Cống tròn Þ300	ISO 9001:2008	m	257.000	260.000	272.000									
	Cống tròn Þ400	ISO 9001:2008	m	313.000	325.000	345.000									
	Cống tròn Þ500	ISO 9001:2008	m	404.000	414.000	480.000									
	Cống tròn Þ600	ISO 9001:2008	m	473.000	501.000	538.000									
	Cống tròn Þ800	ISO 9001:2008	m	699.000	800.000	838.000									
b	Cống hộp các loại		m												
	Cống hộp 1,6m x 1,6m	ISO 9001:2008	m	6.421.000	7.063.100	7.063.100	7.063.100	7.063.100	7.063.100	7.063.100	7.063.100	7.063.100	7.063.100	7.063.100	
	Cống hộp 1,6m x 2m	ISO 9001:2008	m	8.151.000	8.966.100	8.966.100	8.966.100	8.966.100	8.966.100	8.966.100	8.966.100	8.966.100	8.966.100	8.966.100	
	Cống hộp 2m x 2m	ISO 9001:2008	m	9.418.000	10.359.800	10.359.800	10.359.800	10.359.800	10.359.800	10.359.800	10.359.800	10.359.800	10.359.800	10.359.800	
	Cống hộp 2m x 2,5m	ISO 9001:2008	m	12.031.000	13.234.100	13.234.100	13.234.100	13.234.100	13.234.100	13.234.100	13.234.100	13.234.100	13.234.100	13.234.100	
	Cống hộp 2,5m x 2,5m	ISO 9001:2008	m	14.772.000	16.249.200	16.249.200	16.249.200	16.249.200	16.249.200	16.249.200	16.249.200	16.249.200	16.249.200	16.249.200	
	Cống hộp 2,5m x 3m	ISO 9001:2008	m	19.292.000	21.221.200	21.221.200	21.221.200	21.221.200	21.221.200	21.221.200	21.221.200	21.221.200	21.221.200	21.221.200	
VIII	**TRỤ ĐÈN, ĐÈN**														
1	**Công Ty Cổ Phần cơ khí - điện Lữ Gia**	**Địa chỉ: 70 Lữ Gia, Phường 15, Quận 11, Tp. HCM; Địa chỉ:(84.8) 38688379/ 239/ 468.**													

STT	TÊN VẬT LIỆU	TIÊU CHUẨN ÁP DỤNG	ĐVT	GIÁ BÁN TẠI CÁC CỬA HÀNG KHU VỰC TRUNG TÂM											
				Biên Hòa	Trảng Bom	Thống Nhất	Long Khánh	Xuân Lộc	Cẩm Mỹ	Định Quán	Tân Phú	Long Thành	Nhơn Trạch	Vĩnh Cửu	Ghi chú
	Trụ tròn/bát giác côn cao 4m (TR/BG-4D-01)		Trụ	2.611.400											
	Trụ tròn/bát giác côn cao 5m (TR/BG- 5D-01)		Trụ	3.511.200											
	Trụ tròn/bát giác côn cao 6m (TR/BG- 6D-01)		Trụ	4.594.700											
	Trụ tròn/bát giác côn cao 7m (TR/BG- 7D-01)		Trụ	5.575.900											
	Trụ tròn/bát giác côn cao 8m (TR/BG- 8D-07)		Trụ	6.721.000											
	Trụ tròn/bát giác côn cao 8m (TR/BG- 8D-01)		Trụ	7.629.600											
	Trụ tròn/bát giác côn cao 8m (TR/BG- 8D-02)		Trụ	8.434.800											
	Trụ tròn/bát giác côn cao 9m (TR/BG- 9D-01)		Trụ	9.351.100											
b	Trụ liền cần		Trụ												
	Trụ tròn/bát giác liền cần côn cao 6m (TRL/BGL - 6D -01)		Trụ	4.639.800											
	Trụ tròn/bát giác liền cần côn cao 7m (TRL/BGL - 7D -01)		Trụ	5.475.800											
	Trụ tròn/bát giác liền cần côn cao 7.5m (TRL/BGL -7.5D -01)		Trụ	6.395.400											
	Trụ tròn/bát giác liền cần côn cao 7.5m (TRL/BGL -7.5D -02)		Trụ	7.246.800											
	Trụ tròn/bát giác liền cần côn cao 8m (TRL/BGL -8D -01)		Trụ	7.718.700											
c	Boulon móng trụ														
	Boulon móng trụ (BL24 - 065 EAS) - Sắt Ø22mm		Bộ	654,500											
	Boulon móng trụ (BL24 - 100 EAS) - Sắt Ø22mm		Bộ	894,300											
	Boulon móng trụ (BL24 -110 EAS) - Sắt Ø22mm		Bộ	1.014.200											
	Boulon móng trụ (BL24 -120 EAS) - Sắt Ø22mm		Bộ	1.045.000											

STT	TÊN VẬT LIỆU	TIÊU CHUẨN ÁP DỤNG	ĐVT	GIÁ BÁN TẠI CÁC CỬA HÀNG KHU VỰC TRUNG TÂM											
				Biên Hòa	Trảng Bom	Thống Nhất	Long Khánh	Xuân Lộc	Cẩm Mỹ	Định Quán	Tân Phú	Long Thành	Nhơn Trạch	Vĩnh Cửu	Ghi chú
d	Đèn cao áp														
	Đèn cao áp 1 công suất 70W, sodium		Bộ	3.850.000											
	Đèn cao áp 1 công suất 100W, sodium		Bộ	4.400.000											
	Đèn cao áp 2 công suất 100W/70W, sodium		Bộ	4.378.000											
	Đèn cao áp 2 công suất 150W/100W, sodium		Bộ	5.060.000											
e	Trụ cần kiểu														
	Trụ bát giác côn cao 12.5m; 02 đoạn ghép lồng côn		Trụ	28.051.100											
	Trụ bát giác côn cao 18m; 02 đoạn ghép lồng côn		Trụ	42.098.100											
	Cần đèn đơn kiểu (2020)		Cần	5.260.200											
	Cần đèn đôi kiểu (2020)		Cần	8.334.700											
	Đèn pha HPS 2X400W		Bộ	17.688.000											
	Đèn LED trang trí đầu trụ		Bộ	3.850.000											
	Đèn đơn HPS 400W, sodium, 220V		Bộ	6.952.000											
IX	VẬT TƯ KHÁC														
1	Tôn lợp Fibroo xi măng		m									39.000			
	Tôn kẽm màu cán sóng vuông kích thướng 1.07 - dày 0,35mm		m					98.000				70.000			
	Tôn kẽm (khổ rộng 1,05m, 3,5dem)		m								95.000				
	Tôn kẽm (k 1,07m) dày 4 zem		m				85.500	102.300							
	Tôn kẽm (k 1,07m) dày 4,5 zem		m					105.000							
	Kẽm gai		kg									14.000			
2	Đinh		kg		25.000		25.000	21.000			23.000	22.000			
3	Cừ tràm Φ8 - Φ10 cm dài 4,5m		cây		16.000		2.300				26.000				
	Cừ tràm Φ10 - Φ12 cm dài 4,5m		cây				8.000								
	Cừ tràm > Φ10 - Φ12 cm dài 4,5m		cây								27.500				
4	Cửa đi sắt (không kính)		m^2		785.000		680.000	500.000			700.000				

STT	TÊN VẬT LIỆU	TIÊU CHUẨN ÁP DỤNG	ĐVT	GIÁ BÁN TẠI CÁC CỬA HÀNG KHU VỰC TRUNG TÂM											
				Biên Hòa	Trảng Bom	Thống Nhất	Long Khánh	Xuân Lộc	Cẩm Mỹ	Định Quán	Tân Phú	Long Thành	Nhơn Trạch	Vĩnh Cửu	Ghi chú
	Cửa sổ sắt (không kính)		m^2		760.000		680.000	450.000			650.000				
	Cửa nhựa (Tín Mỹ)		bộ								450.000				
	Cửa nhựa (Đài Loan)		bộ		350.000		550.000	350.000							
5	Vôi cục		kg		2.200		2.600	33.000			15.000				
6	A dao		lít		10.000		40.000	15.000			20.000				
8	Kính trắng 5 ly		m^2		155.000		130.000				185.000				
	Kính 5 ly (Đáp Cầu)		m^2												
9	Cửa đi khung nhôm, kính 5 ly		m^2		850.000		950.000	700.000			900.000				
10	Lưới B40 (2,2 kg/m)		m												
11	Bột màu		Kg				45.000								
12	Dulux Putty -Bột trét trong nhà và ngoài trời		Bao 40 kg									325.000			
13	**Dây Điện**														
	VC-1,00 (Φ 1,17)-0,6/1KV		m												
	VCmd-2x1-(2x32/02)-0,6/1KV		m												
	CV 1 (0,6/1KV)-(7/0,425)		m												
	CV 2 (0,6/1KV)-(7/0,6)		m												

* Ghi chú: Mức giá VLXD trên chưa có thuế VAT (nếu không có ghi chú nào khác), là giá bán tại các cửa hàng khu vực trung tâm của các Huyện, Thị xã Long Khánh, TP Biên Hoà và để các đơn vị, tổ chức tham khảo trong quá trình xác định giá xây dựng công trình. Giá bán tại nơi sản xuất, khai thác là giá bán trên phương tiện vận chuyển của bên mua.

SỞ XÂY DỰNG ĐỒNG NAI
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ XÂY DỰNG
TỈNH ĐỒNG NAI

Nguyễn Thanh Lâm

SỞ TÀI CHÍNH ĐỒNG NAI
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ TÀI CHÍNH
TỈNH ĐỒNG NAI

Huỳnh Văn Huệ